SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG

**TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT HUYỆN CƯ JÚT**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK NÔNG - 2020

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG

**TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT HUYỆN CƯ JÚT**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Viết Thanh | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Hoàng Yến | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Dung | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 4 | Lê Mạnh Cường | Thư ký | Thư ký Hội đồng |  |
| 5 | Hoàng Phương Lan | Bí Thư Đoàn TN | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Lê Thanh Thủy | Tổ trưởng, Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Vũ Thị Nga | Tổ trưởng,Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Lâm Quốc Bảo | Tổ trưởng QLHSNT | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Huỳnh Thị Tồn Sa | Kế toán, Tổ trưởng Tổ Văn phòng | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Phan Cảm | Phó tổ trưởng, Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Tăng Thị Xinh | Phó tổ trưởng, tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 12 | Nguyễn Thị Thúy | Phó tổ trưởng, Nhân viên văn thư | Ủy viên Hội đồng |  |
| 13 | Nguyễn Thị Tuyền | Phó tổ trưởng, Nhân viên Y tế | Ủy viên Hội đồng |  |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **4** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **7** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **8** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **10** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **18** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **18** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **22** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **22** |
| **Mở đầu** | **22** |
| **Tiêu chí 1.1** | **23** |
| **Tiêu chí 1.2** | **25** |
| **Tiêu chí 1.3** | **26** |
| **Tiêu chí 1.4** | **29** |
| **Tiêu chí 1.5** | **31** |
| **Tiêu chí 1.6** | **33** |
| **Tiêu chí 1.7** | **35** |
| **Tiêu chí 1.8** | **36** |
| **Tiêu chí 1.9** | **38** |
| **Tiêu chí 1.10** | **40** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **43** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **44** |
| **Mở đầu** | **44** |
| **Tiêu chí 2.1** | **44** |
| **Tiêu chí 2.2** | **47** |
| **Tiêu chí 2.3** | **49** |
| **Tiêu chí 2.4** | **50** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **52** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **53** |
| **Mở đầu** | **53** |
| **Tiêu chí 3.1** | **54** |
| **Tiêu chí 3.2** | **56** |
| **Tiêu chí 3.3** | **58** |
| **Tiêu chí 3.4** | **59** |
| **Tiêu chí 3.5** | **61** |
| **Tiêu chí 3.6** | **63** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **65** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **66** |
| **Mở đầu** | **66** |
| **Tiêu chí 4.1** | **67** |
| **Tiêu chí 4.2** | **69** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **72** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **73** |
| **Mở đầu** | **73** |
| **Tiêu chí 5.1** | **74** |
| **Tiêu chí 5.2** | **77** |
| **Tiêu chí 5.3** | **80** |
| **Tiêu chí 5.4** | **81** |
| **Tiêu chí 5.5** | **83** |
| **Tiêu chí 5.6** | **86** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **89** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **91** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | DTNT | Dân tộc nội trú |
| 2 | KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| 3 | PTDTNT | Phổ thông dân tộc nội trú |
| 4 | SGD&ĐT | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 5 | THCS | Trung học cơ sở |
| 6 | THPT | Trung học phổ thông |
| 7 | UBND | Ủy ban nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.2 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.4 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.5 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.6 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 1.7 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  |  | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 2.2 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 2.3 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 2.4 |  |  | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 3.2 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.3 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.4 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.6 |  |  | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.3 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.4 |  |  | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  | X |
| Tiêu chí 5.6 |  |  |  | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Tên trước đây (nếu có): Trường Phổ thông DTNT huyện Cư Jút

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK NÔNG |  | Họ và tênHiệu trưởng | Nguyễn Viết Thanh |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Cư Jút |  | Điện thoại  | 02613.606969 |
| Xã / phường/thị trấn | Thị Trấn EaTling |  | Fax |  |
| Đạt CQG | X |  | Website | http://ptdtntcujut.daknong.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2003 |  | Số điểm trường | 0 |
| Công lập |  |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn | X |
| Trường chuyên biệt | X |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học2019-2020** | **Năm học2020-2021** |
| Khối lớp 6 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 7 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 8 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 9 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 10 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 11 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 12 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Cộng** | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2016-2017** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Ghi chú** |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 1 | Phòng học | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính-quản trị | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
|  | Tổng cộng | 17 | 18 | 18 | 18 | 18 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 |  |
| Giáo viên | 19 | 14 | 2 | 0 | 17 | 2 |  |
| Nhân viên | 12 | 9 | 0 | 0 | 7 | 0 |  |
| **Cộng** | 34 | 24 | 2 | 0 | 29 | 4 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 19 | 19 | 19 | 19 | 19 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2.71 | 2.71 | 2.71 | 2.71 | 2.71 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.106 | 0.106 | 0.106 | 0.106 |  |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 5 | 6 | 6 | 6 | 7 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| 1 | Tổng số | 209 | 204 | 204 | 203 | 208 |
| 2 | Khối lớp 6 | 29 | 30 | 30 | 30 | 30 |
| 3 | Khối lớp 7 | 29 | 30 | 29 | 29 | 30 |
| 4 | Khối lớp 8 | 32 | 29 | 29 | 29 | 28 |
| 5 | Khối lớp 9 | 34 | 30 | 29 | 29 | 30 |
| 6 | Khối lớp 10 | 30 | 30 | 29 | 29 | 30 |
| 7 | Khối lớp 11 | 30 | 30 | 28 | 28 | 30 |
| 8 | Khối lớp 12 | 0 | 30 | 30 | 30 | 30 |
| 9 | Nữ | 145 | 168 | 167 | 167 | 157 |
| 10 | Dân tộc | 182 | 209 | 202 | 202 | 206 |
| 11 | Tổng số tuyển mới | 60 | 60 | 60 | 60 | 60 |
| 12 | Học 2 buổi/ngày | 184 | 209 | 204 | 204 | 208 |
| 13 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Nội trú | 184 | 209 | 204 | 204 | 208 |
| 15 | Bình quân số học sinh/lớp | 30.67 | 29.86 | 29.14 | 29.14 | 29.71 |
| 16 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 184 | 209 | 204 | 204 | 208 |
| 17 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Nữ | 145 | 168 | 167 | 167 | 157 |
| 18 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi - Dân tộc | 182 | 209 | 202 | 202 | 206 |
| 19 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 7 | 4 | 3 | 3 | 4 |
| 20 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Nữ | 145 | 168 | 167 | 167 | 157 |
| 22 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách - Dân tộc | 184 | 209 | 204 | 204 | 208 |
| 23 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt |  |  |  |  |  |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học2017-2018** | **Năm học2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 15.79 | 8.33 | 7,36 | 13.79% | 15.12 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 60.77 | 57.35 | 59,31 | 59.61% | 61.46 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 0 | 0 | 0 | 1.48% | 1.46 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 86.12 | 74.02 | 79,41 | 69.95% | 80.98 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 8.61 | 14.22 | 15,69 | 25.62% | 13.66 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 15.79 | 8.33 | 7,36 | 13.79% | 4.39 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0.98 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

***I. Tổng quan về nhà trường***

 Trường  Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Cư Jút (Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút) được thành lập theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đăk Lắk và được đổi tên lần cuối cùng theo Quyết định 382/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đăk Nông. Giai đoạn mới thành lập, trường còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh và phong trào học tập tại địa phương. Tuy nhiên, theo từng giai đoạn, trường đã và đang từng bước phát triển, khẳng định vai trò, vị thế quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số của địa phương nói riêng và tỉnh Đăk Nông. Cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được đầu tư đáp ứng cơ bản nhiệm vụ dạy và học; đội ngũ giáo viên ngày càng đầy đủ, chất lượng đội ngũ được nâng cao, giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng tăng; chất lượng giáo dục không ngừng phát triển, số học sinh hàng năm đậu Tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 100%, đậu vào các trường đại học – cao đẳng khá cao và đã có học sinh thi đậu vào các trường đại học danh tiếng; nhận thức của nhân dân địa phương về vấn đề học tập ngày được nâng cao. Trường đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu học tập của con em người đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Cư Jút. Nhà trường đã được cộng nhận Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1( QĐ 1333/QĐ- UBND ngày 4/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông).

1. Điểm mạnh:

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm 33 người. Trong đó bao gồm:

 - Cán bộ quản lý gồm 3 người trong đó có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng. Tất cả cán bộ quản lý đã tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục, bồi dưỡng An ninh – Quốc phòng (đối tượng 3).

 - Giáo viên: 18 người (Trong đó: Thạc sỹ: 02, Đại học: 16)

 - Nhân viên: 12 người, bao gồm: kế toán, thủ quỹ, văn thư - thiết bị, thư viện, y tế, điện nước, cấp dưỡng (03 người), bảo vệ, lao công (01 hợp đồng bảo vệ khoán công).

 - Trình độ đào tạo chuyên môn nghề nghiệp của cán bộ, giáo viên: 100% đạt chuẩn.

 - Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên.

 - Đội ngũ giáo viên đa số còn trẻ, năng động, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, tâm huyết với nghề nghiệp.

 - Sự thành công của các thế hệ học sinh đi trước là tấm gương cho các thế hệ học sinh sau của nhà trường noi theo.

 - Cha mẹ học sinh ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc học đối với con em mình và ngày càng có nhiều đóng góp, chia sẻ với nhà trường; quan hệ giữa nhà trường và gia đình học sinh ngày càng gắn bó.

 - Sự nghiệp giáo dục của nhà trường đã và đang tạo được niềm tin trong xã hội. Do đó, nhà trường ngày càng nhận được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên và địa phương trong công tác đầu tư phát triển nhà trường.

 b. Học sinh:

 - Năm học 2023-2024, toàn trường có 07 lớp: Trong đó có 04 lớp trung học cơ sở (THCS) với 118 học sinh và 03 lớp trung học phổ thông (THPT) 96 học sinh.Tổng số học sinh toàn trường là 223 em.

 + Học sinh dân tộc thiểu số: 223 em; dân tộc tại chỗ 20 em.

 + Học sinh nữ 160 em; nữ dân tộc 160 em, nữ dân tộc tại chỗ 19 em.

 - Năm học 2022-2023:

 + Tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%; xét công nhận tốt nghiệp THCS đạt 100%.

 + Tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng năm 2023: Đậu đại học 13/13 em trúng tuyển, đạt tỷ lệ 100% trong số các em đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng.

 c. Cơ sở vật chất:

 - Tổng diện tích mặt bằng: 7.494m2 (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

 - Phòng học: 07 phòng, có đủ bàn ghế phù hợp lứa tuổi.

 - Phòng thí nghiệm: 01 phòng.

 - Phòng học Tin học: 01 phòng, đã kết nối Internet.

 - Phòng học Lab: 01 phòng, đã kết nối Internet.

 - Phòng thư viện: 1 phòng.

 - Phòng thực hiện bài giảng điện tử: 00 phòng.

 - Nhà đa năng: 1.

 - Khu vực Hiệu bộ đáp ứng nhu cầu làm việc của nhà trường, các đoàn thể và phòng họp hội đồng của đơn vị.

 - Nhà ăn và bếp: Đảm bảo diện tích, cơ sở vật chất, phục vụ học sinh nội trú.

 - Sân chơi, bãi tập, các công trình vệ sinh, điện, nước sạch, nước giếng đầy đủ…

 - Cơ sở vật chất bước đầu đáp ứng được yêu cầu tối thiểu để dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

1. Điểm hạn chế:

a. Công tác quản lý của Lãnh đạo Nhà trường:

 - Kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên còn mang tính hình thức và động viên.

 - Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

 b. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

 - Đa số các môn học chỉ có 01 giáo viên nên khó có điều kiện học tập trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau; việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới còn gặp nhiều khó khăn.

 - Một số ít giáo viên, nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sự tín nhiệm của học sinh, cha mẹ học sinh và đồng nghiệp chưa cao; một số giáo viên, nhân viên chậm đổi mới, hiệu quả giáo dục chưa cao và chưa có ý thức nâng cao hiệu quả công việc.

 c. Chất lượng học sinh:

 - Chất lượng tuyển sinh vào đầu cấp rất thấp, nhất là khối Trung học cơ sở.

 - Số học sinh có học lực yếu vẫn còn; ý thức học tập và rèn luyện của một số học sinh chưa cao...

 d. Cơ sở vật chất:

 - Chưa đồng bộ và hiện đại; phương tiện, thiết bị, dụng cụ phục vụ dạy và học đã xuống cấp và hư hỏng nhiều.

 - Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu.

 - Thư viện chưa được trang bị hiện đại và đầy đủ.

 - Công tác làm đồ dùng dạy học được triển khai nhưng chưa mang lại hiệu quả cao, các đồ dùng có giá trị còn ít.

 - Chưa có khối phòng học bộ môn đạt chuẩn nên ảnh hưởng lớn đến chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

 - Hệ thống thoát nước thải dãy kí túc xá THCS đã xuống cấp và thường xuyên tắc nghẽn, thấm dột xuống nhà ăn…

***II. Mục đích của công tác tự đánh giá***

 - Xác định cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận duy trì cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn Quốc gia.

 - Tham mưu Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện đầu tư và đồng thời huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc duy trì công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

***III. Quy trình tự đánh giá***

 - Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

 - Lập kế hoạch tự đánh giá.

 - Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

 - Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

 - Viết báo cáo tự đánh giá.

 - Công bố báo cáo tự đánh giá.

 - Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

***IV. Phạm vi, phương pháp tự đánh giá***

 Nhà trường triển khai hoạt động tự đánh giá được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kết quả đã đạt qua các năm theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể, từ đó tổng hợp các minh chứng, mô tả đúng thực trạng đạt được của nhà trường, đánh giá chính xác, khách quan, đề ra kế hoạch cải tiến, khắc phục những hạn chế, yếu kém phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, tránh tình trạng mô tả và đánh giá không phù hợp với việc thực hiện và kết quả của nhà trường, xây dựng kế hoạch cải tiến thiếu thực tế.

***V. Công cụ tự đánh giá***

 - Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

 - Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

***VI. Kết quả tự đánh giá***

 Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút thống nhất đánh giá: 5 tiêu chuẩn; 28 tiêu chí, 129 chỉ số đều đạt.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

 Tổ chức và quản lý nhà trường là nhiệm vụ quan trọng quyết định cấu trúc bộ máy và điều hành quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút có đầy đủ các tổ chức, bộ phận theo hướng dẫn của Luật Giáo dục và Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, theo Thông tư 4/2023 về Hướng dẫn hoạt động và tổ chức của trường Phổ thông Dân tộc nội trú. Từng tổ chức, bộ phận có nhiệm vụ, chức năng cụ thể, hoạt động vừa độc lập vừa phối hợp chặt chẽ với nhau, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ nhà trường. Các hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác được tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, dân chủ, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn nhà trường, hoạt động có có hiệu quả.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

 Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2013–2018 và tầm nhìn 2020. Rà soát chiến lược . Nội dung của Kế hoạch chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-01];

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản, đã công bố trước Hội đồng sư phạm nhà trường và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01];

 Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: ptdtntcujut.daknong.edu.vn [H1-1.1-01].

 Mức 2:

 Hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu theo kế hoạch năm học [H1-1.1-02]; nghiêm túc đánh giá việc thực hiện chiến lược và đề ra biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược qua đó xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện đầy đủ, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương.

 Chiến lược đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường giai đoạn 2013–2018 và tầm nhìn 2020, là cơ sở, tiền đề để xây dựng kế hoạch từng năm học nói chung và các kế hoạch hoạt động khác nói riêng.

**3. Điểm yếu**

 Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2013–2018 và tầm nhìn 2020, mới chỉ thật sự quan tâm, nghiên cứu trong thời gian gần đây. Do đó việc tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Từng cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược và kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, từng năm học, qua đó đề xuất các giải pháp thực hiện kế hoạch; chủ động tham mưu với cấp trên, tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút có: Hội đồng trường, đã được Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập; Hội đồng thi đua và khen thưởng hằng năm do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch [H1-1.2-01];

 Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Luật Giáo dục hiện hành và Điều lệ trường trung học, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.2-02];

 Hàng năm, có rà soát đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ riêng của từng thành viên, qua đó có thể bổ sung, thay đổi nhân sự, kiện toàn Hội đồng nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục theo kế hoạch [H1-1.1-03].

 Mức 2:

 Hội đồng trường và các hội đồng khác làm việc công tâm, đánh giá khách quan theo đúng quy định của pháp luật. Hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, góp phần vào sự phát triển của nhà trường [H1-1.2-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Hoạt động của Hội đồng trường góp phần xây dựng chủ trương trong thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; hoạt động của các hội đồng khác góp phần cụ thể hóa việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Một vài thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác kinh nghiệm còn hạn chế, do đó việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đôi khi còn chậm so với tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Phát huy mạnh mẽ Quy chế dân chủ cơ sở, hàng năm, nhà trường tổ chức tập huấn nghiệp vụ, rà soát rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp tối ưu để tất cả các thành viên trong Hội đồng hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định [H1-1.3-01];

 Chi bộ Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện chức năng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, sinh hoạt định kỳ một tháng 01 lần và ra nghị quyết chỉ đạo [H1-1.3-02];

 Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn, dưới sự chỉ đạo của Công đoàn ngành giáo dục và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường theo nghị quyết của tổ chức Công đoàn. Ngoài ra, còn phối hợp với các tổ chức khác trong nhà trường để hoạt động và đưa ra nghị quyết hàng năm [H1-1.3-03];

 Đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ đồng thời phối hợp với các đoàn thể khác trong nhà trường và đưa ra nghị quyết Đoàn trường hàng năm [H1-1.3-02];

 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều có nghị quyết hoạt động từng nhiệm kỳ và hằng năm đồng thời đều tổ chức rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch sau mỗi tháng, học kỳ, sơ kết, tổng kết nhằm rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế [H1-1.3-04].

 Mức 2:

 Hằng năm, Chi bộ đều tổ chức đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Trong 5 năm liên tiếp gần đây, chi bộ luôn đạt chất lượng từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, cụ thể***:*** [H1-1.3-05]

 Năm 2015 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 Năm 2016 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 Năm 2017 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 Năm 2018 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

 Năm 2019 Chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

 Năm 2020 Chi bộ đạt danh hiệu chi bộ hoàn thành xuất săc nhiệm vụ

 Các tổ chức thực hiện tốt chức năng tham mưu cho trường đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo tập thể thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ chức, góp phần lớn vào việc thực hiện thành công kế hoạch của trường [H1-1.3-03];

 Mức 3:

 Trong 05 năm từ 2014 đến 2019: Chi bộ nhà trường 3 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 năm 2018 và 2019 Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đều được Huyện ủy tặng giấy khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

 Đối với nhà trường: Năm học 2014-2015 Hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt tập thể lao động tiên tiến, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2018-2019: trong 04 năm học liên tiếp nhà trường đều được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng 01 cờ thi đua cấp tỉnh, 01 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông. Năm học 2020-2021 nhà trường được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ

 Đối với công đoàn: 05 năm liên tiếp đều được xếp tổ chức Công đoàn trong sạch vững mạnh và luôn được tặng giấy khen của công đoàn cấp trên. Năm học 2020-2021 công đoàn được xếp loại Công đoàn tiêu biểu xuất sắc.

 Đối với tổ chức Đoàn thanh niên và đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh hằng năm đều xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

 Như vậy các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình và thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội giúp cho công tác và hoạt động chung của nhà trường ngày càng phát triển.

 **2. Điểm mạnh**

 - Chi bộ Đảng thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các chủ trương lớn trong phát triển sự nghiệp của nhà trường;

 - Tổ chức Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền lợi người lao động đồng thời làm tốt công tác phối hợp với nhà Trường trong thực hiện các chế độ chính sách, các phong trào thi đua… góp phần vào việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn của công đoàn viên;

 - Tổ chức đoàn thanh niên đã phối hợp với nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh và các hoạt động phong trào… tạo ra được nhiều sân chơi bổ ích, thu hút đông đảo học sinh tham gia góp phần làm phong phú hoạt động giáo dục của trường, bảo toàn văn hóa các dân tộc.

**3. Điểm yếu**

 - Cán bộ cốt cán, lãnh đạo các đoàn thể còn kiêm nhiệm nhiều việc nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả công việc;

 - Ban chấp hành Công đoàn; Ban chấp hành đoàn chưa phát huy hết tinh thần, trách nhiệm nên việc tham mưu còn hạn chế trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức, công tác phong trào.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện để Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể được tham gia học tập ở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, từng bước nâng cao nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm theo đúng quy định [H1-1.4-01];

 Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng trường ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng theo đúng quy định của điều lệ trường trung học và chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường hiện có 02 tổ chuyên môn: Tổ Khoa học Xã hội gồm giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Mĩ thuật và Âm nhạc; tổ Khoa học Tự nhiên gồm giáo viên giang dạy các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Thể dục, Tin học... [H1-1.4-02],[H1-1.4-03];

 Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động đúng với chức năng, nhiệm vụ theo từng năm học và theo từng tháng, từng tuần [H1-1.4-04].

 Mức 2:

 Đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn đều chỉ đạo giáo viên đăng ký thực hiện các chủ đề dạy học, viết đề tài sáng kiến kinh nghiệm và sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, qua đó giúp các em được tích hợp giáo dục kỹ năng sống, ý thức học tập tốt, lao động sáng tạo, kỹ năng giao tiếp [H1-1.4-05].

  Định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, các tổ chuyên môn và văn phòng đều có đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch nhằm bổ sung, điều chỉnh và đề ra các biện pháp thực hiện kế hoạch hiệu quả hơn [H1-1.4-05].

 **2. Điểm mạnh**

 - Cơ cấu tổ chức đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn nên sự vận hành của nhà trường đảm bảo chặt chẽ, khoa học; việc thực hiện kế hoạch của nhà trường đảm bảo xuyên suốt và thống nhất từ trên xuống dưới.

 - Đội ngũ cán bộ cốt cán từ hiệu trưởng đến phó tổ trưởng các tổ đều có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ nên góp phần lớn trong thành công của cả tập thể.

**3. Điểm yếu**

 - Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu; số lượng giáo viên từng môn ít, rất nhiều môn chỉ 1 giáo viên nên việc hỗ trợ nhau trong chuyên môn nghiệp vụ còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, từng bước cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng trao đổi kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy.

 - Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên được tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn đồng thời liên kết với các trường trong địa bàn, tạo điều kiện để giáo viên được tham gia sinh hoạt chuyên môn nhằm trao đổi và tích lũy kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

 b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

Trường có không quá 45 học sinh(bốn mươi lăm)/ lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.

 Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm)học sinh / lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có 2 cấp học: THCS và THPT. Cấp THCS có đủ 4 khối lớp: Khối 6, khối 7, khối 8, khối 9; cấp THPT có đủ 3 khối lớp: khối 10, khối 11, khối 12 [H1-1.5-01];

 Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 3 tổ học sinh. Mỗi tổ có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02];

 Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Giáo viên chủ nhiệm quản lí học sinh theo nguyên tắc tự quản, dân chủ trong các tiết sinh hoạt lớp, lao động vệ sinh, tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức. Các tiết sinh hoạt chủ nhiệm do chủ nhiệm lớp điều hành, giải quyết những công việc chung của lớp [H1-1.1-05], [H1-1.5-02].

 Mức 2:

 Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định, không quá 35 học sinh theo quy định của trường chuyên biệt [H1-1.5-01].

 Mức 3:

 Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định, không quá 35 học sinh theo quy định của trường chuyên biệt [H1-1.5-01].

 **2. Điểm mạnh**

 - Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số học sinh trong một lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học.

 - Số lớp phù hợp với điều kiện nhà trường, thuận lợi cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

 - Số lượng học sinh mỗi lớp không quá đông nên thuận lợi trong dạy học và giáo dục (mỗi lớp chỉ có tối đa 30 học sinh).

 - Cơ cấu ban cán sự của lớp, của tổ đầy đủ tạo điều kiện để điều hành trong các hoạt động của lớp.

**3. Điểm yếu**

 Kĩ năng tự điều hành và tự sinh hoạt tập thể của các lớp THCS, đặc biệt là lớp 6 còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Nhà trường, Đoàn trường tập huấn kĩ năng điều hành, quản lý cho ban cán sự lớp. Nhằm rèn luyện kỹ năng sinh hoạt tập thể.

 - Làm phong phú các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh nâng cao kỹ năng sống, tăng khả năng hiểu biết của mình với bản thân và xã hội, đồng thời giúp học sinh có khả năng tự điều hành và tự sinh hoạt tập thể.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ về quản lý hành chính, được lưu trữ đầy đủ, khoa học tại phòng văn thư lưu trữ. Hồ sơ tài chính, tài sản đầy đủ được lưu trữ theo quy định do kế toán trực tiếp phụ trách [H1-1.6-01];

 Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02]; việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được dự thảo và đưa ra bàn bạc thống nhất, công khai dân chủ định kỳ hàng năm tại Hội nghị công chức, viên chức nên đảm bảo sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-03];

 Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả [H1-1.6-01], [H1-1.6-03].

 Mức 2:

 Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường thông qua các phần mềm được sử dụng như: phần mềm vnedu; I-office; website; cơ sở dữ liệu ngành; trường học kết nối, phần mềm của kế toán như phần mềm Misa [H1-1.6-02].

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-01], [H1-1.6-02].

 Mức 3:

 Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, chủ yếu là nguồn tài chính huy động từ công tác xã hội hóa phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H4-4.1-01], [H4-4.1-05].

 **2. Điểm mạnh**

 - Quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; công tác công khai được đảm bảo theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát ngược.

 - Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hằng năm tạo điều kiện phát huy tối đa nguồn lực hiện có của nhà trường.

 - Công tác xã hội hóa được chú trọng và thực hiện có hiệu quả đã huy động tối đa nguồn lực bên ngoài trong thực hiện kế hoạch giáo dục nói chung và xây dựng cải tạo cơ sở vật chất khuôn viên tạo cảnh quan môi trường sư phạm nói riêng.

**3. Điểm yếu**

 - Vị trí việc làm kế toán trong thời gian qua có thay đổi nên ảnh hưởng đến việc lưu trữ, quản lí hồ sơ sổ sách và hồ sơ quản lý tài sản công.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Hằng năm, nhà trường bổ sung, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế của trường.

 - Trang bị thêm thiết bị lưu trữ để thuận lợi cho việc lưu trữ, quản lí hồ sơ.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hàng năm, nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường. Chú trọng đào tạo nâng chuẩn; mở các lớp bồi dưỡng tại trường theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự học, tự tham gia bồi dưỡng các lớp liên quan đến công tác chuyên môn và nghiệp vụ [H1-1.7-01];

 Hàng năm, trước khi vào năm học mới nhà trường rà soát nhân sự, phân công nhiệm vụ từng cá nhân, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực cá nhân, đảm bảo hiệu quả hoạt động thực tiễn của nhà trường [H1-1.7-02];

 Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 (Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.7-01].

 Mức 2:

 Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng theo đúng hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, qua đó đề ra các biện pháp tốt để tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên của trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong các hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường [H1-1.7-04].

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hợp lý có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý. Công tác thi đua - khen thưởng được coi trọng và thực hiện công bằng, khách quan phát huy sở trường công tác của mỗi cá nhân.

**3. Điểm yếu**

 Khó khăn trong bồi dưỡng do đa số các môn học chỉ có một giáo viên. Một số ít giáo viên, nhân viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, chưa chủ động trong tự học, tự rèn nên gây khó khăn trong phân công, bố trí nhiệm vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Khắc phục khó khăn, làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Định kỳ rà soát việc thực hiện nhiệm vụ được giao, chú trọng tự kiểm tra và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của từng thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục được thảo luận, bàn bạc và thống nhất một cách công khai dân chủ nên phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-03];

 Kế hoạch giáo dục gồm: Kế hoạch năm học [H1-1.1-03], kế hoạch tháng, kế hoạch tuần của nhà trường [H1-1.8-01], kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi [H1-1.8-02], kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật , kế hoạch lao động [H1-1.8-04], kế hoạch sinh hoạt ký túc xá [H1-1.8-05], … được thể hiện khá đầy đủ về mặt nội dung, chi tiết các hoạt động giáo dục theo Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo. Các kế hoạch của nhà trường, đoàn thể, các tổ bộ phận được cụ thể hóa theo từng tuần, từng tháng và học kỳ;

 Định kỳ, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh kịp thời các giải pháp để hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục [H1-1.1-03].

 Mức 2:

 Nhà trường thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục kịp thời, đạt chất lượng và hiệu quả; kết quả năm sau cao hơn năm trước, được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả hàng năm. Nhà trường đã quán triệt Thông tư số 17/2012/TTBGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm và các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm học thêm đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường.

 **2. Điểm mạnh**

 Kế hoạch giáo dục đảm bảo khoa học, chi tiết, có tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn nhà trường, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sở trường công tác.

**3. Điểm yếu**

 Công tác kiểm tra đánh giá đôi lúc chưa kịp thời và chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Công tác kiểm tra đánh giá phải kịp thời, phải làm thường xuyên và chặt chẽ hơn. Định kỳ rà soát, nghiêm túc, khách quan trong kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm, đưa ra được các giải pháp để quản lý các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị công nhân viên chức ngay đầu năm học, tại Hội nghị các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: Nội quy của cơ quan, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01].

 Nhà trường phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức phổ biến nhiệm vụ năm học, kế hoạch năm học của nhà trường để trên cơ sở đó cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường phát huy quyền dân chủ của mình, tránh tình trạng gây mất đoàn kết nội bộ, lợi dụng dân chủ, dân chủ hình thức, làm ảnh hưởng tới sự phát triển và ổn định của nhà trường [H1-1.1-03];

 Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật [H1-1.9-02];

 Hằng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua báo cáo của ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-02].

 Mức 2:

 Hằng năm, nhà trường có bổ sung việc rà soát, đánh giá và đề ra các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện trong nghị quyết của Công đoàn, trong báo cáo, phương hướng của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lí, qua đó củng cố lòng tin của tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên, nhân viên còn tham gia chưa đầy đủ trong các lớp học tập nghị quyết, tập huấn chuyên môn; còn thụ động trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể. Hoạt động của Ban thanh tra nhân dân chưa hiệu quả và còn mang tính hình thức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Nhà trường triển khai quán triệt giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp học nghị quyết, tập huấn chuyên môn.

 - Tạo môi trường thuận lợi cho giáo viên tích cực chủ động trong các cuộc họp, các hoạt động của nhà trường, chủ động phát biểu ý kiến trước tập thể, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể.

 - Tạo điều kiện về mặt thời gian để Ban thanh tra nhân dân tập huấn nhằm nâng cao trình độ, nghiệp vụ và tăng cường công tác giám sát.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Sở giáo dục và Đào tạo, Trường đã giao cho bộ phận quản lí học sinh nội trú, tổ Văn phòng tiến hành xây dựng các kế hoạch: kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn bạo lực học đường [H1-1.10-01]. Bếp ăn phục vụ cho 210 em học sinh ăn ở nội trú tại trường được xây dựng đúng quy cách và đảm bảo đúng quy trình nấu ăn, đồng thời có đầy đủ hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02], thường xuyên kiểm tra khẩu phần ăn cho học sinh thường xuyên và đột xuất chế độ ăn của học sinh [H1-1.10-03];

 Nhà trường niêm yết công khai địa chỉ trang web của trường trên bảng thông báo đồng thời xây dựng hộp thư góp ý sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Đồng thời đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Thông qua các cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường lắng nghe ý kiến góp ý từ cha mẹ học sinh và tiến hành giải đáp các ý kiến phản hồi một cách nhanh chóng, trung thực, khách quan, thấu tình, đạt lý [H1-1.10-05];

 Là một trường chuyên biệt, gần 100% học sinh là người dân tộc thiểu số, đến từ nhiều địa bàn khác nhau, kinh tế và hoàn cảnh gia đình khác nhau nhưng giữa các em không có sự kì thị dân tộc, vùng miền, cũng như không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H2-2.4-01].

 Mức 2:

 Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các nội dung được tuyên truyền và phổ biến trong các tiết chào cờ đầu tuần [H1-1.10-04], tại các cuộc họp cơ quan định kì, qua email cá nhân và phần mềm i-office và các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt kí túc xá do Đoàn thanh niên tổ chức, trong hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm sáng tạo do giáo viên chủ nhiệm tổ chức và các lớp tập huấn phòng chống đuối nước, phòng chống cháy nổ, luật an toàn giao thông, phòng chống xâm hại trẻ em do nhà trường tổ chức [H1-1.10-04];

 Thông qua các cuộc họp cơ quan và giao ban chủ nhiệm, Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-05].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự thông qua việc phối hợp với Công an huyện Cư Jút và việc lên kế hoạch của đơn vị; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường được xây dựng và thực hiện có hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp học sinh hiểu rõ, nắm vững và tuân thủ thực hiện. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động, tạo môi trường giáo dục an toàn, góp phần thuận lợi cho công tác giáo dục, chăm sóc học sinh, từ đó tạo niềm tin cho nhân dân.

**3. Điểm yếu**

 Một số ít học sinh còn vi phạm an toàn giao thông, vi phạm nội quy của nhà trường và các quy định của đoàn, đội.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Nhà trường tiếp tục thường xuyên giáo dục pháp luật cho học sinh, thông qua các tiết chào cờ, tiết sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi ngoại khóa. Xây dựng nội dung giáo dục ngắn gọn, thiết thực, hợp lí, hấp dẫn và sinh động để thu hút học sinh tham gia.

 - Tăng cường phối hợp với công an huyện trong viêc bảo đảm an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, nhà trường xây dựng các cam kết về đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học và yêu cầu học sinh kí và thực hiện nghiêm các cam kết này.

 - Đoàn thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm các lớp theo dõi sát sao tình hình của học sinh và có biện pháp xử lí thích hợp khi học sinh có biểu hiện vi phạm nội quy, quy chế, quy định của nhà trường.

 - Nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý  thức rèn luyện đạo đức của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

 - Tổ chức và quản lý nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương; trong đó có định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu quá trình vận động và phát triển của nhà trường.

 - Đội ngũ cán bộ có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

 - Quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; công tác công khai được đảm bảo theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát ngược.

 - Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, hợp lý có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý. Công tác thi đua - khen thưởng được coi trọng và thực hiện công bằng, khách quan đã phát huy sở trường công tác của mỗi cá nhân.

 - Quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lí, qua đó củng cố lòng tin cả tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

 - Cán bộ, lãnh đạo các đoàn thể phải kiêm nhiệm nhiều nên hiệu quả công việc chưa đạt như mong muốn. Một vài thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác kinh nghiệm còn hạn chế, do đó việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đôi khi còn chậm so với tiến độ.

 - Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu; số lượng giáo viên từng môn ít, thậm chí nhiều môn chỉ 1 giáo viên nên việc hỗ trợ trong chuyên môn nghiệp vụ còn gặp nhiều khó khăn.

 - Khó khăn trong bồi dưỡng do đa số các môn học chỉ có một giáo viên. Một số ít giáo viên, nhân viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, chưa chủ động trong tự học, tự rèn nên gây khó khăn trong phân công, bố trí nhiệm vụ.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 03/10 tiêu chí chiếm 30%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

 Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là một trong những nhân tố có vai trò quyết định chất lượng giáo dục của của nhà trường. Đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh hàng năm giúp nhà trường thấy được những mặt mạnh, những tồn tại qua đó nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn được đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiều cấp học và đã dạy học trên 5 năm ở cấp học THPT [H2-2.1-01];

 Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-02].

 - Hiệu trưởng có kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; cập nhật kịp thời các yêu cầu đổi mới của ngành về chuyên môn, nghiệp vụ. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc vận dụng các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân [H1-1.7-01];

  Hiệu trưởng có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành Vật lý và 01 Phó hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử, 01 Phó hiệu trưởng còn lại có trình độ cử nhân sư phạm Địa lý. Lãnh đạo nhà trường đã được bồi dưỡng qua lớp quản lý giáo dục, bồi dưỡng lớp Quốc phòng- An ninh và có trình độ Lý luận chính trị Trung cấp [H2-2.1-03]*.*

 Mức 2:

 Trong 05 năm học từ 2014-2015 đến 2018-2019: Hiệu trưởng được cấp trên đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt trở lên [H2-2.1-02]. Năm học 2020-2021 Hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá.

 02 Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá đạt chuẩn Phó hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

 Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về trình độ, nghiệp vụ chuyên môn theo quy định, và được tập thể giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 Hiệu trưởng nhà trường có trình độ chuyên môn thạc sỹ, chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, có chứng chỉ tin học Cơ bản, đã qua lớp Bồi dưỡng quản lý giáo dục, được bồi dưỡng về kiến thức Quốc phòng - An ninh (đối tượng 3). Hàng năm Hiệu trưởng nhà trường đều được xếp mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ: chuẩn hiệu trưởng: Khá. [H2-2.1-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Đội ngũ quản lí của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đều là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm, thúc đẩy quá trình đổi mới quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả; đảm bảo giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục phù hợp với phương pháp học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; kết quả học tập, rèn luyện của học sinh được nâng cao.

**3. Điểm yếu**

 - Kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa thật sự đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Chưa thật sự nắm rõ các phong tục, tập quán của học sinh thuộc các thành phần dân tộc khác nhau nên việc học tập tại trường còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm vượt khó trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường.

 - Có kế hoạch tăng cường bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng học tập nâng cao trình độ giao tiếp tiếng Anh, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và tiếng dân tộc thiểu số và tìm hiểu, nắm rõ những phong tục tập quán của học sinh thuộc các thành phần dân tộc khác nhau đang học tập tại Trường để phục vụ tốt hơn cho công việc quản lí.

**5. Tự đánh giá:** ***Đạt mức 3***

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

 c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, cơ cấu cho tất cả các môn học. Giáo viên được Hiệu trưởng phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H1-1.7-01].

 100% giáo viên nhà trường đạt chuẩn chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 2 giáo viên trên chuẩn chiếm 10,5%  [H1-1.7-02].

 Trong năm học 2017 – 2018 và 2018 – 2019, 2019-2020, 2020-2021 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01]

 Mức 2:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.7-02].

 Trong năm học 2020–2021, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 31,5% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá [H2-2.2-01].

 - Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-01].

 Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học [H1-1.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 - Chỉ tiêu biên chế giáo viên trong trường đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu cho tất cả các môn học. Đa số giáo viên trẻ, năng động nhiệt huyết có ý thức cầu tiến, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Từ đó giáo viên có thể chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;

 - Nhiều giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện có uy tín được đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh tin yêu.

**3. Điểm yếu**

 Nhiều giáo viên làm công tác kiêm nhiệm cũng như công tác phong trào nên cũng ảnh hưởng nhiều đến chất lượng trong công tác chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học.

 - Quan tâm động viên giáo viên làm công tác kiêm nhiệm Đoàn, Đội, Công đoàn và giáo viên chủ nhiệm.

 - Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia học hỏi, bồi dưỡng các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có đủ số lượng nhân viên cụ thể như: Kế toán, y tế trường học, văn thư - thủ quỹ, Nhân viên thiết bị thí nghiệm, Nhân viên thư viện, nhân viên điện nước, cấp dưỡng, lao công và bảo vệ theo Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác [H1-1.7-02];

 Nhân viên nhà trường có trình độ theo đúng chuyên môn và được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc; Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02];

 Việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Hiệu trưởng: Hàng năm được đánh giá xếp theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, đa số nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-01].

 Mức 2:

 Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H2-2.3-01];

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.3-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Số lượng nhân viên đảm bảo bố trí đủ các vị trí việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trường.

**3. Điểm yếu**

 Nhiều vị trí việc làm phải bố trí kiêm nhiệm, một số nhân viên chưa ý thức tinh thần trách nhiệm nên hiệu quả công việc được giao đôi lúc còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên được bố trí kiêm nhiệm tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công việc được giao chặt chẽ, tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế để có biệp pháp hỗ trợ kịp thời.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

 a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.

 b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

 Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

 Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Học sinh nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định tại Điều 37 trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011): Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi, ngoài ra còn có học sinh là người dân tộc thiểu số có tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định [H1-1.5-01];

 Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38, Điều 40 và Điều 41 trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011): thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh trung học đảm bảo tính văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học, chấp hành nghiêm các hành vi học sinh không được làm [H1-1.1-05];

 Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011): Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức, được giáo dục kỹ năng sống, được nhận học bổng và trợ cấp khác theo quy định [H1-1.5-02].

 Mức 2:

 Một số ít học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo quy định tại Điều 41 trong Điều lệ trường trung học (Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011): Được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H2-2.4-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Tuyển sinh đầu vào đảm bảo số lượng, độ tuổi và các quy định theo Phương án tuyển sinh hàng năm được cấp trên phê duyệt. Đa số học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy và các quy định tại trường. Chủ động trong học tập, tham gia tích cực trong các hoạt động học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, các phong trào văn hóa, thể dục, hội thao và các cuộc thi cấp trên phát động.

**3. Điểm yếu**

 Chất lượng tuyển sinh đầu vào còn thấp, một số học sinh chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập đúng đắn, chưa chủ động trong hoạt động tự học, tự rèn do đó kết quả học tập và rèn luyện chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Xây dựng phương án tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương; làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, tìm hiểu nguyên nhân để có các giải pháp phù hợp nhằm động viên và kịp thời giúp đỡ học sinh xác định đúng mục đích, động cơ học tập đúng đắn, phấn đấu rèn luyện đem lại kết quả theo đúng kế hoạch đề ra.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

 Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

 - Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng. Cán bộ quản lý của nhà trường đã tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lí luận chính trị và nghiệp vụ quản lý giáo dục; bồi dưỡng về quốc phòng –an ninh; trình độ chuyên môn của cán bộ, giáo viên 100% đạt chuẩn trở lên.

 - Số lượng nhân viên đảm bảo bố trí đủ các vị trí việc làm theo quy định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nuôi dạy của trường.

 - Công tác tuyển sinh đảm bảo số lượng, độ tuổi và các quy định theo Phương án tuyển sinh hàng năm của nhà trường được các cấp phê duyệt. Đa số học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy và các quy định tại trường. Chủ động trong học tập, tham gia tích cực trong các hoạt động học tập, bồi dưỡng học sinh giỏi, các phong trào văn hóa, thể dục, hội thao và các cuộc thi cấp trên phát động.

 - Nhiều vị trí việc làm phải bố trí kiêm nhiệm, một số nhân viên chưa có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao nên chất lượng còn hạn chế.

 - Chất lượng tuyển sinh đầu vào còn thấp, một vài học sinh chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập, chưa chủ động tự học, tự rèn do đó kết quả học tập và rèn luyện thấp.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 1/4 tiêu chí chiếm 25%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

 Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cơ sở vật chất được xây dựng và cải tạo nâng cấp khang trang, có đầy đủ hệ thống cổng trường, biển tên trường, khối phòng học, khối phòng hành chính, khu nhà ăn, nhà nội trú, nhà đa năng đảm bảo phục vụ học sinh. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo phục vụ tốt qui mô hoạt động giáo dục của hà trường. Hiện tại, nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập (gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn thanh niên, phòng truyền thống...), khối phòng hành chính - quản trị (gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học), nhà trường có đủ phòng làm việc, có khu để xe, khu nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên...được bố trí khá hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng và được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có sân chơi bãi tập và cây xanh bóng mát, tạo môi trường xanh - sạch - đẹp- an toàn, đảm bảo điều kiện thuận lợi phục vụ dạy–học, đảm bảo cho mục tiêu phát triển chất lượng giáo dục của nhà trường.

 Thiết bị văn phòng và dạy học được trang bị tương đối đầy đủ để làm việc và phục vụ công tác dạy và học; thư viện nhà trường được trang bị khá phong phú, tương đối đủ đầu sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục,…và mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng nhu cầu đọc của giáo viên và học sinh.

 Hệ thống thoát nước trong trường đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

 a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

 b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

 c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

 Mức 2:

 Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

 Mức 3:

 Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

  Khuôn viên trường có hệ thống cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01];

 Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tường bao quanh bằng gạch cao 1,8m và rào bằng sắt cao 1,8m ở mặt trước của khuôn viên trường, đảm bảo cách biệt với các hoạt động bên ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho quản lí học sinh trong cũng như ngoài giờ học [H3-3.1-02];

 Nhà trường có 1 nhà đa chức năng, 01 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 01 bàn bóng bàn, 01 sân bóng đá, 01 xà kép [H3-3.1-03].

 Mức 2:

 Tổng diện tích khuôn viên là 7.494m2, bình quân đạt trên 35m2/học sinh. Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi có diện tích 2.500m2, chiếm 33,35% tổng diện tích toàn trường. Sân chơi, bãi tập được quy hoạch một khu riêng, có cây xanh bao quanh, có diện tích 1.250m2 chiếm 16,5%, sân trường được bê tông hóa- lát gạch và luôn sạch đẹp, có cây xanh tỏa bóng mát [H1-1.1-03].

 Mức 3:

 Khu sân chơi, bãi tập có tổng diện tích bằng 33,35% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan, môi trường và sân chơi bãi tập cho học sinh từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện, công tác xã hội hoá, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, xây dựng được cho học sinh môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

**3. Điểm yếu**

 - Do khuôn viên nhà trường có diện tích nhỏ nên việc bố trí khu sân chơi, bãi tập riêng biệt cho học sinh nội trú gặp khó khăn.

 - Việc thiết kế cảnh quan, bồn hoa cây cảnh của nhà trường chưa thật đẹp và hợp lý.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 - Tham mưu với các cấp lãnh đạo để mở rộng khuôn viên nhà trường và thiết kế sân chơi, bãi tập riêng cho học sinh nội trú.

 - Tích cực chăm sóc cây xanh, tạo dựng môi trường “sáng - xanh - sạch - đẹp- an toàn” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Coi trọng và tổ chức thường xuyên việc rèn luyện cho học sinh ý thức tự giác bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp- an toàn.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

 a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

 b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

 c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

 Mức 2:

 a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

 Mức 3:

 Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Trong phòng học có đủ thiết bị và 15 bộ bàn ghế (loại 2 chỗ ngồi) phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết chống lóa, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày [H3-3.2-01];

 Nhà trường có các phòng học bộ môn, gồm các phòng học bộ môn các môn Tiếng Anh, Tin học; [H3-3.2-01];

 Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống [H3-3.2-01];

 Mức 2:

 Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên có hiệu quả [H3-3.1-01];

 Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đủ khối phòng học đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học, có các phòng học bộ môn Tiếng anh, Phòng tin học đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Thiết bị trong phòng học, phòng bộ môn đảm bảo đủ phục vụ trong các hoạt động dạy và học, đảm bảo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

 Hằng năm, nhà trường thường xuyên tu sửa, đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; mua sách tham khảo để trang bị cho thư viện; Làm tốt công tác tham mưu với cấp trên để đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số phòng học bộ môn chưa đảm bảo theo quy chuẩn.

 Máy tính ở phòng học Tin học đã cũ và chất lượng hạn chế, số lượng chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của của học sinh.

 Đầu sách tham khảo ở thư viện còn ít và chưa phong phú về số lượng, chất lượng.

 Thiết bị dạy học các bộ môn khối THPT còn thiếu, khối THCS đã cũ và hư hỏng nhiều, phòng thiết bị chưa đảm bảo heo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương và cấp trên xây dựng thêm khối phòng học bộ môn, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho nhà trường, trang bị thêm sách tham khảo cho thư viện; Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa trong giáo dục, kêu gọi sự hỗ trợ từ Ban đại diện Cha mẹ học sinh để nâng cấp các phòng Tin học, Tivi màn hình lớn phục vụ dạy học cho giáo viên. Bên cạnh đó chỉ đạo đội ngũ giáo viên, nhân viên tăng cường nâng cao hiệu suất sử dụng các thiết bị hiện có tại đơn vị và tăng cường làm đồ dùng dạy học .

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

 a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

 b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

 c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

 Mức 2:

 Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Mức 3:

 Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng và diện tích các phòng đảm bảo theo quy định, gồm các phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng trực nội trú và tiếp dân, Đoàn thanh niên – Thiết bị dạy học, Kế toán, Thủ quỹ, Văn thư - Y tế đáp ứng yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.1-01];

 Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên rộng rãi và được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn [H3-3.1-01];

 Hàng năm, nhà trường đều tiến hành mua sắm bổ sung các thiết bị cần thiết phục vụ cho khối hành chính - quản trị [H3-3.3-01].

 Mức 2:

 Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ phòng làm việc và các thiết bị theo quy định. Khu nhà nội trú học sinh đảm bảo nhu cầu ăn, ở của học sinh [H3-3.1-01]. Khu bếp nấu ăn, nhà ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã được Cục vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Đăk Nông cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhân viên cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh đảm bảo sức khỏe và được tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm hằng năm [H1-3.3-03].

 Mức 3:

 Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.1-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chung của nhà trường.

 Cảnh quan nhà trường thoáng, mát, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

**3. Điểm yếu**

 Còn thiếu phòng sinh hoạt của tổ chuyên môn, phòng làm việc của thư kí hội đồng và phòng công đoàn;

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu cấp trên xây dựng khối phòng học bộ môn để sắp xếp lại khối phòng hành chính, quản trị phù hợp để đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

 **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

 a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

 b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên; mỗi phòng ở của học sinh đều có phòng vệ sinh riêng, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi và an toàn cho học sinh nội trú [H3-3.4-01];

 Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo sinh hoạt và vệ sinh môi trường; trường có hệ thống nước giếng khoan đủ phục vụ nước sinh hoạt, có hệ thống nước sạch phục vụ nấu ăn và hệ thống máy lọc nước RO phục vụ nước uống  cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-02]; [H3-3.4-02];

 Trường ký hợp đồng thu gom rác thải hàng ngày với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

 Mức 2:

 Trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-01].

 Cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức thu gom rác và xử lý chất thải trong ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04].

 **2. Điểm mạnh**

  Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu nuôi dạy và chăm sóc học sinh nội trú.

**3. Điểm yếu**

 Hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh của học sinh ở ký túc xá khối THCS đã xuống cấp nên hay bị tắc và thấm dột gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu UBND huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nhà vệ sinh cho học sinh ở ký túc xá THCS.

 Từng bước cải tạo khu vực vườn cây tạo cảnh quan nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp và an toàn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

 a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

 b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường được trang bị đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ công việc theo vị trí việc làm. Nhà trường có máy photocopy, máy tính, máy in, máy scan, máy tính phục vụ công tác quản lý và làm việc [H1-1.6-04];

 Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định, phòng học Tin học, phòng Ngoại ngữ có đủ máy tính để để phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.1-03];

 Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa và được bổ sung, thay thế để bảo đảm chất lượng làm việc và bảo quản tài sản công theo quy định [H3-3.1-03].

 Mức 2:

 Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học: Các phòng hành chính được kết nối internet, có hệ thống wifi dùng chung, phòng Tin học, phòng Lab được lắp đặt các gói Internet hợp đồng với các nhà mạng Vinaphone [H1-1.6-04];.

 Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường hoạt động tốt, được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng quản lý cũng như dạy học, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin phục vụ dạy học và quản lý của trường;

 Thiết bị dạy học tương đối đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thiết bị dạy học của các phòng học bộ môn hiện có. [H1-1.6-04];

 Hàng năm, các thiết bị dạy học luôn được kiểm tra và mua sắm bổ sung. Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể, chi tiết [H1-1.6-04];.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có thiết bị dạy học tương đối đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi trong việc giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ứng dụng thực tiễn.

 Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được được chú trọng, trang bị đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập.

  Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể chi tiết. Thiết bị được mua sắm, sửa chữa, bổ sung hằng năm kịp thời.

**3. Điểm yếu**

 Máy tính văn phòng đã cũ, xuống cấp và thường xuyên hư hỏng.

 Thiết bị dạy học khối THPT các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh còn thiếu và chưa đáp ứng được nhiệm vụ dạy học.

 Phong trào làm đồ dùng dạy học của giáo viên hàng năm chưa được chú trọng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với cấp trên, kết hợp với việc tiết kiệm chi thường xuyên, huy động nguồn xã hội hóa để thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hỏng.

 Tham mưu cấp trên xây dựng phòng học bộ môn và cấp trang thiết bị dạy học để đám ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

 Đẩy mạnh phong trào thi đua trong nhà trường để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có giá trị và đưa vào sử dụng thiết thực, hiệu quả.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

 a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

 b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

 c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học trở lên.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01];

 Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H1-1.8-03];

 Hằng năm, nhà trường đều tổ chức kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-02].

 Mức 2:

 Nhà trường đang lập kế hoạch xây dựng thư viện trường học đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm đáp ứng tương đối yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

 Nhà trường đã có phần mền quản lý thư viện và máy tính được kết nối Internet để truy cập thư viện điện tử nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nghiên cứu và học tập.

**3. Điểm yếu**

 Số lượng đầu sách còn hạn chế nhất là sách tham khảo và các sách khoa học để học sinh, giáo viên tham khảo.

 Diện tích thư viện chưa đáp ứng việc phục vụ đông đảo người đọc; Nhà trường đang trong giai đoạn xây dựng thư viện đạt chuẩn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu cấp trên đầu tư xây dựng mở rộng thư viện để đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

 Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên, huy động mạnh thường quân để bổ sung đầu sách và xây dựng thư viện đạt chuẩn theo quy định.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

 Nhà trường có đầy đủ hệ thống cổng trường, biển tên trường, khu sân chơi, bãi tập, đảm bảo an toàn để học sinh luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Các phòng học thiết kế đều có bảng viết, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh đầy đủ  phù hợp với tầm vóc, độ tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Phòng học đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát đảm bảo học hai ca trong ngày; có phòng học bộ môn Tin học, Tiếng anh và các phòng chức năng theo quy định. Khu vệ sinh được thiết kế riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên.

 Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chung của nhà trường.

 Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được đều được kết nối internet và trang bị đầy đủ cho giáo viên, học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập, sinh hoạt.

 Nhà trường có thiết bị dạy học tương đối đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi trong việc giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ứng dụng thực tiễn.

 Về thư viện: Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm đáp ứng tương đối yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh; việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của học sinh.

   Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu nuôi dạy học sinh. Cảnh quan nhà trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

 Trường có vị trí thuận lợi nhưng diện tích nhỏ nên chưa có khu sân chơi, bãi tập riêng biệt, khu vườn rau cây xanh để học sinh tập thể thao, giáo dục ý thức lao động và kỹ năng sống.

 Trang thiết bị dùng cho khối hành chính – quản trị đã xuống cấp; máy tính ở phòng học Tin học có cấu hình thấp và thiếu; đầu sách tham khảo ở thư viện còn hạn chế; thiết bị dạy học các bộ môn khối THPT còn thiếu, khối THCS đã cũ và xuống cấp nhưng không có phòng bộ môn để sắp xếp và đưa vào sử dụng.

 Nhà vệ sinh của học sinh ở ký túc xá khối THCS đã xuống cấp nên thường xuyên tắc và thấm dột ảnh hưởng đến sinh hoạt của học sinh.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 1/6 tiêu chí chiếm 16,7%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

 Giáo dục là một tổng hoà các mối quan hệ xã hội, trong đó để giáo dục học sinh thì mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Xã hội hóa giáo dục là một chủ trương đúng đắn của Đảng và nhà nước đã đưa vào thực hiện trong nhiều năm qua. Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ từ Đảng bộ và Chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhiều năm qua đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp, công tác giáo dục kỹ năng sống, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học và ăn ở học sinh tại trường... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền ở địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút trong những năm học qua đã được các cấp ghi nhận.

 Bên cạnh đó, nhà trường cũng gặp một số khó khăn như trình độ nhận thức về giáo dục của một số cha mẹ học sinh còn chưa đúng, còn khoán trắng cho nhà trường trong công tác giáo dục cho học sinh. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và một số tổ chức đoàn thể ở địa phương còn mang tính hình thức, thiếu chủ động và sáng tạo. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, vào đầu năm học nhà trường tiến hành họp cha mẹ học sinh, bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp gồm có: 1 Trưởng ban, 1 phó ban và 1 uỷ viên. Tổ chức hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp cùng nhà trường bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường gồm các thành viên: 1 Trưởng ban, 1 Phó ban và các uỷ viên kiêm thư ký [H4-4.1-01];

 Hàng năm,Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-02].Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo[H4-4.1-02];

 Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp thực hiện ít nhất 3 phiên họp thường kỳ, các phiên họp cha mẹ học sinh tham gia đầy đủ và nhất trí cao với kế hoạch năm học của nhà trường [H4-4.1-03].

 Mức 2:

 Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp ở thôn buôn; cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H1-1.5-02], [H4-4.1-04].

 Mức 3:

 Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ như: Hỗ trợ nhà trường, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, vận động học sinh ra lớp, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

 **2. Điểm mạnh**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

 Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được một số kết quả rất khả quan. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh; Thông tin kịp thời cho cha mẹ học sinh biết về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của con em mình.

 Lãnh đạo nhà trường thường xuyên có những cuộc họp, trao đổi với Ban đại diện cha mẹ học sinh, kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

 Một số đại diện cha mẹ học sinh của các lớp hoạt động chưa hiệu quả, chưa phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm để giáo dục học sinh.

 Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, chỉ giao trách nhiệm hoàn toàn cho nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, cha mẹ học sinh thường xuyên liên lạc với giáo viên, tích cực tham gia các hoạt động dạy và học của nhà trường.

 Nhà trường tăng cường trao đổi, nắm bắt thông tin kịp thời từ học sinh và cha mẹ học sinh để có những biện pháp phối hợp giáo dục phù hợp và kịp thời. Đảm bảo giáo dục toàn diện, phát triển mọi mặt cho từng học sinh: thể chất, tinh thần trí tuệ và tình cảm, phát triển đời sống tinh thần phong phú, phát huy năng lực, sức sáng tạo, biết chia sẻ, quan tâm đến môi trường, các vấn đề xã hội.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để  thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với một số nội dung như: Tham mưu về công tác tuyển sinh, tuyên truyền vận động xã hội hoá giáo dục đầu tư cơ sở vật chất và một số chính sách nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường[H4-4.2-01];

 Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, tổ chức các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-02];

 Trong những năm qua, Nhà trường đã tích cực trong công tác xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực: Sự đóng góp tài trợ của cha mẹ học sinh, kinh phí giúp đỡ nhà trường đầu tư cơ sở vật chất [H4-4.2-03].

 Mức 2:

 Nhằm thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, hằng năm Lãnh đạo nhà trường trực tiếp tham mưu với cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược như: công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, công tác tuyển sinh [H4-4.2-01].

 Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Vào dịp nghỉ hè nhà trường đã tổ chức lễ bàn giao học sinh trong hè với tổ chức đoàn thanh niên xã, thị trấn tổ chức hoạt động hè tại địa phương. Tổ chức cho học sinh kí cam kết không vi phạm luật giao thông, không tham gia các tệ nạn xã hội, tàng trữ chất cháy nổ tại gia đình, địa phương [H4-4.2-04].

 Mức 3:

 Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các ban nghành đoàn thể để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.1-03], [H4-4.2-05].

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với đảng uỷ, chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh tới trường. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức cá nhân và cộng đồng, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa thật sự phối hợp tốt các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng; Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng và duy trì số lượng học sinh.

 Cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn tích cực, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

 Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh. Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được một số kết quả rất khả quan. Nhà trường yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh.

  Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường, do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

 Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

 Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình chỉ giao cho nhà trường.

 Nhà trường chưa thật sự huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

 Mở đầu:

 Trong 5 năm học qua, nhà trường đã thực hiện theo đúng kế hoạch thời gian năm học, chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông. Hằng năm duy trì các hoạt động hội giảng, thao giảng, dự giờ, viết sáng kiến kinh nghiệm/nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, thi khoa học kỹ thuật, thi giáo viên giỏi, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, thực hiện tốt họat động giáo dục ngoài giờ lên lớp, nghề phổ thông, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục địa phương. Nhà trường đã quan tâm đúng mức các hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục an ninh – quốc phòng và y tế trường học, làm tốt tốt công tác nuôi dạy; thực hiện tốt chủ đề năm học và hưởng ứng tích cực các cuộc vận động, phong trào thi đua. do các cấp tổ chức. Hiệu trưởng chỉ đạo sát sao công tác chuyên môn, công tác chủ nhiệm lớp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý học sinh nội trú, đặc biệt giúp đỡ các học sinh yếu vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

 Nhắm đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông, nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh; đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học, tự rèn luyện của học sinh. Đồng thời, hằng năm nhà trường thực hiện thường xuyên hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong học sinh, giúp đỡ học sinh yếu theo kế hoạch của nhà trường; tổ chức các hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh phù hợp với năng lực sở trường, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương; thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, nhà trường đã phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên và thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh; giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp – an toàn. Nhờ vậy kết quả xếp loại các mặt của học sinh có chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, trong 5 năm học qua nhà trường luôn đạt các chỉ tiêu đề ra về học sinh giỏi các cấp, tỷ lệ học sinh có học lực khá –giỏi luôn trên 60%; tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm tốt-khá luôn trên 90% và không có trường hợp nào học sinh bỏ học, ở lại lớp.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

 a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

 b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

 c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

 Mức 2:

 a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

 b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục như Hoạt động ngoài giờ lên lớp, Giáo dục hướng nghiệp, giáo dục đạo đức lối sống và những bài học hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống…theo quy định đảm bảo mục tiêu giáo dục, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H1-1.1-03];

 Nhà trường triển khai cho giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

 Nhà trường thực hiện đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả: Ban hành Quyết định kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ và có các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh như kiểm tra viết, kiểm tra thực hành đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả[H1-1.8-01];

 Mức 2:

 Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên, định kỳ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, kế hoạch báo giảng, qua hồ sơ giáo án, dự giờ và qua kiểm tra vở ghi của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh [H1-1.8-01];

 Đầu năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Trong 5 năm học qua nhà trường luôn có học sinh đạt học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện (từ 03 -08 em/năm học), học sinh đạt huy chương trong kỳ thi Olympic khối dân tộc nội trú (luôn nằm trong top ba khối DTNT), nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh trên mạng internet các bộ môn Toán, Lý và Tiếng anh; năm học 2020-2021 nhà trường có 02 học sinh đạt giải nghiên cứu khoa học kĩ thuật (KHKT) cấp tỉnh. 03 giải thi thuyết trình tiếng Anh về Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông [H1-1.8-02], [H5-5.1-05].

 Mức 3:

 Sau mỗi học kỳ, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn họp đánh giá chất lượng bộ môn để có giải pháp khắc phục trong học kỳ tiếp theo và trong năm học tới. Sau mỗi năm học, các tổ họp xét đánh giá hoạt động giảng dạy, đề xuất với nhà trường về phương pháp dạy học tích cực để triển khai năm học kế tiếp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút đã tổ chức dạy học đúng, đầy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

 Giáo viên bộ môn nhà trường chủ động tìm hiểu, học hỏi và vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tạo nên sự hứng thú trong học tập cho học sinh, đồng thời kích thích tư duy và năng lực sáng tạo của các em trong nghiên cứu bài học, các chủ đề giáo dục STEM.

 Nhà trường đã tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục học sinh đảm bảo tính khách quan, công bằng và hiệu quả đánh giá đúng năng lực của học sinh.

 Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

 Nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nên trong những năm học qua học sinh có nhiều thành tích trong học tập, học sinh giỏi và đã có học sinh đạt giải ba nghiên cứu Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh năm học 2019-2020.

**3. Điểm yếu**

 Một số giáo viên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và kết hợp các kĩ thuật dạy học chưa linh hoạt.

 Một số giáo viên chưa chú trọng đến việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá hoặc chỉ thực hiện bước đầu, chưa đa dạng về hình thức.

 Việc bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên và nhất là học sinh giỏi lớp 12 còn hạn chế nên chưa đạt được kết quả như đã đề ra.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên các phương pháp và kỹ thuật dạy học mới, thực hiện tốt các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh trên tinh thần phát huy phẩm chất và năng lực của người học.

 Tăng cường chỉ đạo cán bộ giáo, viên học, nhân viên tích cực học tập và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, công việc được giao và kiểm tra đánh giá một cách hiệu quả.

 Hiệu trưởng nhà trường giao các tổ chuyên môn tiếp tục tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh.

 Hằng năm, nhà trường cần rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 Nhà trường tạo điều kiện về vật chất, tinh thần và thời gian đối với các giáo viên tham gia ôn thi học sinh giỏi. Chỉ đạo tổ chuyên môn lựa chọn các học sinh có tố chất để ôn tập ngay từ lớp 10 để tạo nguồn tham gia thi học sinh giỏi lớp 12 đạt giải.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

 a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

 b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

 c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

 Mức 2:

 Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

 Mức 3:

 Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, về năng lực, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.8-01];

 Hiệu trưởng nhà trường triển khai kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên nhà trường thông qua buổi họp cơ quan, họp giao ban giáo viên chủ nhiệm. Từ đó, giáo viên bộ môn thực hiện việc chọn học sinh giỏi để bồi dưỡng, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đạt hiệu quả cao ngay từ đầu năm học nên trong những năm gần đây, kết quả giáo dục hai mặt của Nhà trường có sự tiến triển và ổn định rõ rệt [H1-1.1-03];

 Hàng năm, nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để đề ra kế hoạch giáo dục phù hợp đối với các đối tượng trên [H5-5.2-01]; [H1-1.8-02];

 Mức 2:

 Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tuyển chọn đội tuyển bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, chú trọng việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1-1.8-01]; [H1-1.4-05];

 Mức 3:

 Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9, học sinh giỏi olimpic. Học sinh nhà trường có năng khiếu cũng đạt được nhiều huy chương vàng, bạc, đồng cấp huyện và cấp tỉnh, nhiều em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập được nhận học bổng; tham gia các phong trào do Huyện đoàn, Tỉnh đoàn tổ chức và đạt giải cao [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

 **2. Điểm mạnh**

 Hằng năm, nhà trường đều khảo sát, phân loại học sinh ngay từ đầu năm học, từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém phù hợp với điều kiện địa phương và tình hình thực tế nhà trường. Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các lớp. Trong đó, buổi chiều nhà trường tổ chức dạy học theo chủ đề để ôn thi THPT Quốc gia, thi học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà trường trong thời gian qua rất ổn định và không ngừng được nâng lên đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

 Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Với 03/19 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 07/19 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, hàng năm có nhiều sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng dạy học.

 Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được duy trì, số học sinh đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp giữ ổn định và đạt chỉ tiêu đề ra.

**3. Điểm yếu**

 Chất lượng mũi nhọn các môn văn hóa và năng khiếu chưa cao, chưa bền vững, chưa có học sinh lớp 12 đạt các giải cao trong các kì thi cấp tỉnh, cấp quốc gia.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục phân loại học sinh ngay từ đầu cấp học, tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi và công tác phụ đạo học sinh yếu kém cần thường xuyên, hiệu quả hơn.

 Hiệu trưởng nhà trường cần chỉ đạo và giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho từng bộ môn. Giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức các buổi hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn học sinh xác định mục tiêu học tập, tư vấn hướng nghiệp từ đó học sinh có động lực phấn đấu học tập tốt hơn.

 Hằng năm, nhà trường cần xây dựng các kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ để thường xuyên phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.

 Lựa chọn những giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết và có kinh nghiệm để bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi và nhất là học sinh giỏi lớp 12.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

 a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

 b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

 c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

 Mức 2:

 Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo chương trình của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông. Nội dung giáo dục địa phương được tích hợp trong quá trình dạy học ở các môn học Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử, Địa lí,.... Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương được nhà trường triển khai một cách nghiêm túc trong kế hoạch ngay từ đầu năm học [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01].

  Nhà trường luôn coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả của việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Các hình thức kiểm tra và đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương được giáo viên giảng dạy thực hiện nghiêm túc, đảm bảo khách quan và hiệu quả [H1-1.4-07];

 Hằng năm nhà trường luôn chú trọng việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được giảng dạy một cách hợp lý phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện địa phương học sinh đang sinh sống [H1-1.4-07];

 Mức 2:

 Nội dung giáo dục địa phương bám sát nội dung của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông ban hành, phù hợp với mục tiêu môn học và lý luận gắn với thực tiễn. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, bảo toàn giáo dục văn hóa các đồng bào dân tộc thiểu số đang học tập tại trường. Từ đó khơi dậy niềm tự hào dân tộc và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước [H1-1.4-07].

 **2. Điểm mạnh**

 Hiệu trưởng nhà trường đã triển khai cho các giáo viên ở các bộ môn liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương ngay từ đầu năm học, góp phần giáo dục cho học sinh những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình tìm hiểu về địa phương, quê hương…

 Nội dung giáo dục địa phương được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật kịp thời gắn với thực tiễn trong quá trình dạy học và giáo dục cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

 Việc giáo dục địa phương cho học sinh bằng hình thức tham quan thực tế hay trải nghiệm chưa được tổ chức thường xuyên.

 Tài liệu giáo dục địa phương, giáo dục bảo tồn bản sắc dân tộc còn ít và chưa phong phú về thể loại cũng như đầu sách.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu các cấp chính quyền, Sở giáo dục trong việc cấp kinh phí chi khác nhằm tạo điều kiện cho học sinh tham quan thực tế, trải nghiệm các nội dung giáo dục địa phương.

 Tăng cường công tác chỉ đạo, cập nhật các số liệu về địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục địa phương phù hợp với thực tiễn.

 Bổ sung thêm tư liệu giáo dục địa phương vào lưu trữ thư viện cho học sinh và giáo viên tham khảo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

 a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

 b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

 c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

 Mức 2:

 a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

 b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp được thể hiện rõ trong kế hoạch năm học theo đúng chỉ đạo của ngành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.1-03];

 Hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp đã được tổ chức đảm bảo theo đúng kế hoạch đã xây dựng, trong đó giáo viên đã xây dựng và thực hiện nội dung dạy học trải nghiệm sáng tạo cấp THCS. Hoạt động ngoài giờ lên lớp và giáo dục hướng nghiệp đã được tổ chức thực hiện theo chủ đề từng tháng theo sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường được thể hiện ở thời khóa biểu, phiếu báo giảng [H5-5.4-01];

 Ngay từ đầu năm, trong kế hoạch thực hiện nhà trường đã phân công giáo viên thực hiện dạy trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh, trong đó công tác trải nghiệm được phân công cho giáo viên trực tiếp giảng dạy theo các môn có tiết trải nghiệm quy định, các giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn thực hiện giáo dục hướng nghiệp khối THCS và Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh khối THPT [H1-1.7-02].

 Mức 2:

 Các hoạt động trải nghiệm đã được tổ chức với hình thức phong phú, mỗi môn học sinh được tham gia các hoạt động nghiên cứu trải nghiệm thực tế trên lớp do giáo viên tổ chức, thực hiện nghiên cứu trải nghiệm tại nhà và báo cáo trải nghiệm trên lớp. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp được tổ chức theo hình thức tích hợp trong các giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt ký túc xá và tổ chức giáo dục kĩ năng sống dưới cờ cho học sinh [H5-1.4-04].

 Việc xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp hằng năm đều được thực hiện trên cơ sở rà soát kế hoạch đã thực hiện, rút kinh nghiệm từ những năm học trước [H5-1.4-05].

 **2. Điểm mạnh**

 Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được xây dựng một cách hợp lí, tổ chức triển khai kịp thời nên đã hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Học sinh có khả năng phát triển hứng thú nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn được nghề nghiệp tương lai phù hợp với điều kiện gia đình, năng lực bản thân.

**3. Điểm yếu**

 Hoạt động dạy trải nghiệm đã được tổ chức dưới nhiều hình thức, song khi triển khai vẫn còn một số học sinh tham gia chưa thực sự nhiệt tình, còn rụt rè và chưa mạnh dạn.

 Thời gian giành cho công tác giáo dục hướng nghiệp còn chưa được nhiều, chủ yếu tập trung vào các học sinh khối cuối cấp, hình thức chủ yếu là lồng ghép tích hợp nên chưa hướng dẫn được chuyên sâu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động dạy trải nghiệm, giáo dục hướng nghiệp đảm bảo học sinh tham gia đầy đủ số lượng và hiệu quả.

 Bố trí nhiều thời gian hơn nữa cho hoạt động trải nghiệm, giáo dục hướng nghiệp để thực hiện tốt hơn kế hoạch hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

 Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn và nghiên cứu để đổi mới công tác giáo dục trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp để nâng cáo hiệu quả giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

 a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

 b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

 c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

 Mức 2:

 a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

 b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

 Mức 3:

 Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Nội dung cụ thể được thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, ngoại khóa, các giờ học trên lớp, trong các tiết sinh hoạt lớp. Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành và phát triển kĩ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.5-01];

 Thời gian qua, thông qua quá trình giáo dục rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực thi giáo dục pháp luật, học sinh đã có nhiều chuyển biến tích cực; số học sinh có khả năng thực hành kĩ năng sống đã có nhiều chuyển biến, biết vận dụng các kĩ năng rèn luyện được để xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống, trong học tập, sinh hoạt tập thể...[H5-5.5-02];

 Quá trình học tập, rèn luyện của học sinh thông qua các hoạt động giáo dục đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực; đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với lứa tuổi, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung và dân tộc thiểu số nói riêng, không có học sinh vi phạm pháp luật hay mắc các tệ nạn xã hội, vi phạm nội quy nhà trường [H5-5.5-01].

 Mức 2:

 Giáo viên đã hướng dẫn cẩn thận và tổ chức cho học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, từ đó học sinh biết cách đưa ra được các nhận định cho bản thân để có hướng tự điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn ...[H5-5.5-03].

 Trong các năm học qua, thông qua quá trình học tập, đa số học sinh đã biết vận dụng kiến thức vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kĩ năng sống [H5-5.5-03].

 Mức 3:

 Năm học 2019-2020 và 2020-2021, có 02 dự án nghiên cứu khoa học đã được tham gia dự thi đạt giải cấp tỉnh [H5-5.5-03].

 **2. Điểm mạnh**

 Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; có kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể; được nhà trường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ.

 Học sinh biết vận dụng các kĩ năng sống vào cuộc sống hằng ngày. Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn trường, nhà trường tổ chức.

**3. Điểm yếu**

 Vẫn còn một số học sinh có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống còn chưa được tốt.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Phối hợp với công an huyện, Đoàn Thanh niên trong việc tăng cường tuyên truyền giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình thông qua hoạt động ngoại khóa và tích hợp trong nội dung các môn Sinh học, Giáo dục công dân.

 Thường xuyên chỉ đạo, nhắc nhở giáo viên chủ nhiệm cần tăng cường bám sát lớp, kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh các trường hợp vi phạm nội quy nhà trường, nội quy ký túc xá và những hanh vi vi phạm pháp luật.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

 b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

 c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

 Mức 2:

 a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

 b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

 Mức 3:

 a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc có cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc có cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc có cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

 - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

 b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

 - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

 - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

 Chất lượng giáo dục hai mặt hằng năm của nhà trường đều đạt theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra đầu mỗi năm học[H5-5.6-01].

 Kết quả xếp loại học lực hằng năm đều đạt trên 95% từ trung bình trở lên. Tỉ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi từ 40% trở lên( một số năm trên 10 % đạt loại giỏi) [H5-5.6-01].

 Kết quả xếp loại hạnh kiểm hằng năm đều đạt 95% từ loại khá trở lên, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

 Tỉ lệ học sinh lên lớp hằng năm đạt 100%. Tỉ lệ học sinh xét tốt nghiệp THCS đạt 100% và tỉ lệ đậu tốt nghiệp THPT đạt 100% [H5-5.6-01];

 Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Vì vậy, hằng năm, nhà trường đều có đội tuyển học sinh giỏi tham gia và đạt nhiều giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, kì thi Olympic khối DTNT, cuộc thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật [H5-5.6-01], các đợt hội thao Giáo dục quốc phòng – An ninh, hội khỏe Phù đổng, văn hóa văn nghệ…[H5-5.2-02];

 Bên cạnh đó, nhà trường luôn có kế hoạch ôn thi học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém vào các buổi chiều trong tuần theo kế hoạch dạy học 02 buổi/ngày [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

 Mức 2:

 Nhà trường thực hiện đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm:

 Kết quả xếp loại học lực trung bình trở lên trong 05 năm liền kề luôn đạt trên 95%. Tỉ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi trong 5 năm liên tiếp luôn trên 60% [H5-5.6-01].

 Tỉ lệ học sinh hạnh kiểm đạt từ loại khá trở lên trong 5 năm liên tiếp đều từ 95%, trong đó trên 90% học sinh xếp hạnh kiểm tốt. Không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị truy cứu về trách nhiệm hình sự [H5-5.6-01];

 Tỉ lệ học sinh lên lớp hằng năm đều đạt 100%. Tỉ lệ học sinh xét tốt nghiệp THCS đạt 100% và tỉ lệ đậu tốt nghiệp THPT đạt 100% [H5-5.6-01].

 Mức 3:

 Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi của trường đạt trên 5%. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá của trường đạt từ 45% trở lên. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu của trường dưới 5% [H5-5.6-01].

 Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 95% [H5-5.6-01].

 Hàng năm không có học sinh bỏ học và lưu ban [H5-5.6-01].

 **2. Điểm mạnh**

 Kết quả xếp loại về học lực, hạnh kiểm của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra, một số năm học tỷ lệ học sinh đạt học lực giỏi vượt chỉ tiêu đề ra. Chất lượng giáo dục hai mặt của nhà trường ngày càng được nâng lên. Nhà trường luôn duy trì được đội tuyển học sinh giỏi theo kế hoạch của nhà trường. Học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS, THPT hàng năm đều đạt 100%.

 Nhà trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức học sinh, rèn luyện cho học sinh có ý thức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm túc nội quy trường lớp.

 Phát huy được sức mạnh tổng hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài trường, sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục đạo đức.

**3. Điểm yếu**

 Số lượng học sinh đạt giải trong các kì thi cấp tỉnh chưa cao, mặc dù tỉ lệ học sinh giỏi toàn diện của nhà trường tương đối cao so với tỷ lệ được quy định.

 Việc giáo dục đạo đức của học sinh là thường xuyên, tuy nhiên đôi khi vẫn còn hiện tượng học sinh chưa chấp hành tốt nội quy của nhà trường do vậy vẫn có học sinh bị xếp loại hạnh kiểm yếu phải rèn luyện trong hè.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn giáo viên phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy.

 Tổ chức tốt việc khảo sát phân loại học sinh ngay từ đầu năm học từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kèm đảm bảo hiệu quả.

 Giao cho một Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh nội trú và giáo viên chủ nhiệm tăng cường tổ chức học tập nội quy, điều lệ cho học sinh và cam kết thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh cũng như những điều học sinh không được làm theo điều lệ trường trung học.

 Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên đi học tập, bồi dưỡng để nâng cao năng lực đội ngũ, tích cực triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp, chuyên đề giảng dạy theo chuẩn kiến thức kỹ năng và bám sát đối tượng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

 Trong những năm học qua, nhà trường luôn tổ chức dạy học đúng, đầy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông, các văn bản hướng dẫn của các phòng ban chuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu giáo dục phổ thông Quốc Gia.

 Nhà trường chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy là phương châm hàng đầu trong cả quá trình hoạt động giáo dục. Giáo viên nhà trường đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động, tích cực tiếp thu và phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo, áp dụng kiến thức kĩ năng vào thực tiễn cuộc sống.

 Nhà trường chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả đánh giá đúng năng lực của học sinh; thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện nên trong năm học học sinh có nhiều thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thực hiện được các chủ đề giáo dục Stem.

 Hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp được xây dựng hợp lí, tổ chức triển khai kịp thời nên đã hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp cho tương lai.

 Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; có kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể; được nhà trường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra chặt chẽ đạt hiệu quả cao.

 Kết quả xếp loại về học lực của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

 Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả tương đối cao, thường xuyên có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa các cấp, đạt giải cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp tỉnh( 2019 và 2020); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT đạt 100%, tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng đạt 100% trong số học sinh đăng xét tuyển đại học, cao đẳng.

 Chất lượng mũi nhọn các môn văn hóa chưa cao và học sinh giỏi thể dục thể thao còn thấp, chưa có học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh, cấp quốc gia.

 Vẫn còn một số học sinh chưa có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống còn chưa được tốt.

 Việc giáo dục đạo đức của học sinh đôi khi còn chưa kịp thời nên vẫn còn hiện tượng học sinh chưa chấp hành tốt nội quy của nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 4/6 tiêu chí chiếm 66,66 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%
	+ Đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 2: 28/28 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt Mức 3: 11/28 tiêu chí chiếm 39,3%
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
	+ Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%

 - Tổng số các chỉ số đạt:         28/28  tỷ lệ  100%;

 - Số lượng các tiêu chí không đạt:   00    tỷ lệ 00%;

 - Cấp độ đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được là Cấp độ 2 *(Mức 2 theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

 - Căn cứ Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục ở Cấp độ 2.

 - Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học, trong quá trình tự đánh giá chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót và đánh giá chưa thật chính xác. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ chính quyền địa phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của việc tự đánh giá cơ sở giáo dục hiện nay.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông tự đánh giá tiếp tục và duy trì đạt tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt trường trung học chuẩn Quốc gia mức độ 1./.

 *Cư Jút, ngày 9 tháng 6 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*